

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NAM  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2020

V/v ly hôn giữa anh K và chị T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Công Định

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Ngọc Giới

Ông Nguyễn Tiến Chính

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Thanh Hà- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 311/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 07 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2020/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 08 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15/09/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn K, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Chỗ ở: Thôn Đ, xã Q, huyện LNg, tỉnh BG.

Bị đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện LN, tỉnh BG.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 08/7/2020 cùng các lời khai nguyên đơn anh Vũ Văn K trình bày như sau:* Anh kết hôn với chị Trương Thị T ngày 16/10/1999, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện LN. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện lấy nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh tại thôn Đ, xã Q, huyện LNg, tỉnh BG. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không có chung quan điểm sống, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại thôn 3, xã P, huyện LN, tỉnh BG ở và vợ chồng chị đã sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị T.

*Về con chung:* Vợ chồng chị có 01 con chung là Vũ Thị Diệu L, sinh ngày 11/06/2000. Nay con chung đã trưởng thành phát triển bình thường, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn là chị Trương Thị T đã được Tòa án giao, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng hết thời hạn được quy định anh Tòng không có ý kiến, quan điểm và chứng cứ cung cấp, giao nộp cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích của mình.

Tại phiên tòa hôm nay chị Trương Thị T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự anh K chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Chị T không chấp hành đúng việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa hôm nay anh Vũ Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Trương Thị T vắng mặt lần 2 không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Vũ Văn K được ly hôn chị Trương Thị T.

Về con chung, về tài sản, công nợ, ruộng canh tác: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn anh Vũ Văn K có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn chị Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt các văn bản theo quy định của pháp luật. Tại phiên Tòa hôm nay chị Trương Thị T vắng mặt lần 2

không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Vũ Văn K kết hôn với chị Trương Thị T ngày ngày 16/10/1999 đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện LN. Trước khi cưới hai bên có tự do tìm hiểu thỏa thuận và tự nguyện đến với nhau. Cưới xong vợ chồng về chung sống tại gia đình anh K ở thôn Đ, xã Q, huyện LNg, tỉnh BG, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có chung tiếng nói trong cuộc sống. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn 3, xã P, huyện LN ở và hai bên đã ly thân từ đó cho đến nay. Phía anh K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Trương Thị T. Phía chị T không có ý kiến gửi Tòa án. Đối với yêu cầu xin ly hôn của anh K, HĐXX thấy: Qua kết quả xác minh với chính quyền địa phương và ông Trương Văn Nước là bố đẻ của chị T xác nhận vợ chồng chị T, anh K trong cuộc sống có mâu thuẫn như anh K trình bày là đúng. Thực tế mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa anh K, chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Vũ Văn K được ly hôn với chị Trương Thị T.

[3] *Về con chung*: Vợ chồng anh K, chị T có 01 con chung là Vũ Thị Diệu L, sinh ngày 11/06/2000. Hiện cháu Linh đã đủ 18 tuổi, phát triển bình thường, anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác*: Anh Vũ Văn K không đề nghị Tòa án giải quyết, chị Trương Thị T không có ý kiến gửi Tòa án nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Vũ Văn K phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn K, chị Trương Thị T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân

sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Vũ Văn K được ly hôn chị Trương Thị T.

2. *Về án phí*: Anh Vũ Văn K phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004876 ngày 08/07/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

3. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Công Định**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Yên – Từ Minh Hải**

**Đặng Công Định**



